

Số: 428 /QĐ-TH&THCSTT

Tân Thành, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán

**Hỗ trợ học phí thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND
và kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ CPHT theo ND81 tháng 01,02,3,4,5/2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 3903/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; Quyết định 3921/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 và Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh về việc cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố và kinh phí thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán việc cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố và kinh phí thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024. (đính kèm phụ lục số 48).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Quang Tuấn



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: TH & THCS Tân Thành

Mã số: 1131795

(Kèm theo Quyết định số: 3903/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND quận)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	736
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	736
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	736
- Kinh phí miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2024 (loại 070 khoản 073 MDP: 000)	736
2. Quản lý hành chính	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
2.2 Kinh phí cải cách tiền lương	
3. Nghiên cứu khoa học	
3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2 Kinh phí thường xuyên	
3.3 Kinh phí không thường xuyên	



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TH & THCS Tân Thành

Số: 1131795

(Kèm theo Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND quận)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	178.664
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	178.664
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	178.664
- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố từ tháng 09 đến hết tháng 12 năm 2024 (loại 070 khoản 073 MDP: 340)	178.664
2. Quản lý hành chính	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
2.2 Kinh phí cải cách tiền lương	
3. Nghiên cứu khoa học	
3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2 Kinh phí thường xuyên	
3.3 Kinh phí không thường xuyên	



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: TH & THCS Tân Thành

Mã số: 1131795

(Kèm theo Quyết định số: 3970/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND quận)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
- Buổi 2/ngày	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.800
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.800
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.800
- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (loại 070 khoản 072 MDP: 000)	1.800
2. Quản lý hành chính	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
2.2 Kinh phí cải cách tiền lương	
3. Nghiên cứu khoa học	
3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2 Kinh phí thường xuyên	
3.3 Kinh phí không thường xuyên	